

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2024

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Công Nhận; ông Bùi Quang Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2023/TLST-HNGĐ ngày 01-11-2023 về việc: Ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25-12-2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 1976, (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cư trú tại: thôn X, xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1973, (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cư trú tại: Thôn Đ, xã K, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

- Người làm chứng:

- Trưởng thôn Đ, xã K, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc G tự do tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 02-9-1994. Sau ngày cưới, anh chị chung sống cùng bố mẹ chồng được khoảng 03 năm sau đó ra ăn ở riêng. Vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân do kinh tế khó khăn, chị đi lao động tại Đài Loan, sau đó đi Ma Cao từ năm 2009 đến năm 2020 về nước. Trong thời gian chị xa nhà, anh G chơi bời không có trách nhiệm với vợ con, chị đã khuyên bảo nhưng anh G không thay đổi. Năm 2020 chị về hắt, vợ chồng tuy ở chung nhà nhưng cả hai không trò chuyện, ăn riêng, kinh tế riêng, không quan tâm trách nhiệm với nhau. Tháng 7/2023 mẹ đẻ chị bị ốm nặng chị đã về nhà chăm sóc mẹ và ở hắt tại xã A, huyện Thanh Hà. Anh G không quan tâm đến gia đình chị. Chị xác định không thể chung sống cùng anh G nên đã thông báo cho anh G về việc chị làm đơn ly hôn, anh G yêu cầu chị mang đơn về nhà để anh ký đơn nhưng khi chị đến gặp thì anh G không hợp tác, gây khó khăn cho chị. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh G. Vì bận công việc, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Bắc, sinh ngày 20/8/1995 và Nguyễn Ngọc Sơn, sinh ngày 29/6/1998. Hiện nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/11/2023. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc G trình bày: Anh và chị T tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K ngày 02/9/1994, sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T có thời gian đi lao động tại Đài Loan sau đó về nước và bảo với anh, vợ chồng ly hôn giả để chị T làm thủ tục hợp pháp bên Đài Loan nhưng anh không đồng ý, anh bảo nếu ly hôn thì ly hôn thật chứ không ly hôn giả nên chị T không đi Đài Loan nữa. Tháng 7/2006 chị T đi lao động tại Ma Cao đến tháng 01/2018 về hắt và sinh sống tại Đ, xã K cùng gia đình nhưng hai bên không quan tâm trách nhiệm với nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2018, chị T đi đâu, làm gì anh không biết. Nay chị T làm đơn ly hôn, anh yêu cầu chị T mang đơn về nhà anh ký đơn nhưng chị T không về mà nộp trực tiếp tại Tòa án, anh xác định vợ chồng đã ly thân 05 năm nên anh đồng ý ly hôn. Anh G đề nghị Tòa án không hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 20/8/1995 và Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 29/6/1998. Hiện nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh G tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh với trưởng thôn cung cấp như sau: Anh chị T G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K ngày 02/9/1994. Sau ngày cưới anh chị chung sống hòa thuận cùng với bố mẹ anh G một thời gian sau đó ra ăn ở riêng. (Hiện bố mẹ anh G đều đã chết) Chị T có thời gian đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và Ma

Cao còn anh G vẫn ăn ở sinh sống tại thôn Đ, xã K. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không đề nghị cơ sở thôn hòa giải nên không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn. Hiện chị T đã về nhà đẻ sinh sống tại xã A, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Quan điểm cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên, bị đơn đều có đơn đề nghị xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Đề nghị áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 55, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Nguyễn Ngọc G. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức: Không giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên, bị đơn, người làm chứng đều đã được giao trực tiếp các văn bản tố tụng và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên, bị đơn và người làm chứng.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Ngọc G kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 02/9/1994 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc. Nguyên nhân theo chị T trình bày do anh G chơi bời không quan tâm trách nhiệm đến vợ con; theo anh G trình bày do không tin tưởng chị T trong thời gian đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và Ma Cao nên hai bên đã không quan tâm trách nhiệm với nhau. Chị T có đơn xin ly hôn anh đồng ý nhưng không đến Tòa án để giải quyết mà yêu cầu chị T mang đơn xin ly hôn về nhà thì anh ký đơn ly hôn, chị T đã thực hiện theo yêu cầu của anh G nhưng anh G không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã giao trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh G; anh G đã có lời khai xác định vợ chồng ly thân đã lâu (05 năm) và cũng đồng ý ly hôn. Như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Hà. Xử cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Nguyễn Ngọc G.

[3]. Về con chung: Anh chị đều xác định có 02 con chung là Nguyễn Ngọc

B, sinh ngày 20/8/1995 và Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 29/6/1998. Hiện nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị T có đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc G.

- Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000^d theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000993 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.*(chị T đã thi hành xong án phí)*

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hoài

